

15. GIÁO DỤC CÔNG DÂN (*Civic Education*)

\* Mã ngành: 7140204

\* Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 135 (Không tính học phần: GDQP - AN 08 tín chỉ, GDTC 03 tín chỉ), trong đó:

- |  |                   |
|--|-------------------|
| - Khối kiến thức đại cương:                        | <b>25 tín chỉ</b> |
| - Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:           | <b>66 tín chỉ</b> |
| + Khối kiến thức của nhóm ngành:                   | 41 tín chỉ        |
| + Khối kiến thức chuyên ngành:                     | 25 tín chỉ        |
| <i>Bắt buộc:</i>                                   | 19 tín chỉ        |
| <i>Tự chọn:</i>                                    | 06 tín chỉ        |
| - Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm:                | <b>37 tín chỉ</b> |
| <i>Bắt buộc:</i>                                   | 33 tín chỉ        |
| <i>Tự chọn:</i>                                    | 04 tín chỉ        |
| - Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: | <b>07 tín chỉ</b> |



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực hành thí nghiệm, thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập	Seminar, thảo luận		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức đại cương</b>		<b>25</b>					
1	Triết học Mác - Lênin	CT106	04	42		36		90
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT107	03	32		26		75
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT108	02	21		18		45
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT109	02	21		18		45
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT110	03	32		26		45
6	Tiếng Anh A2 1	A2101.1	03	30	30			90
7	Tiếng Anh A2 2	A2102.1	02	15	30			60
8	Tiếng Anh A2 3	A2103.1	02	15	30			60
9	Tin học	TH101	02	15			30	45
10	Giáo dục thể chất 1	TC101	01				30	15
11	Giáo dục thể chất 2	TC102	01				30	15
12	Giáo dục thể chất 3	TC103	01				30	15
13	Pháp luật đại cương	PL101	02	15		30		45
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>66</b>					
<b>II.1</b>	<b>Khối kiến thức của nhóm ngành</b>		<b>41</b>					
14	Lịch sử văn minh thế giới	LS202	02	15		30		45
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VH201	02	15		30		45
16	Lôgic học	CT202	02	15		30		45
17	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	CT329	02	15		30		45

**Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
18	Giáo dục môi trường cho học sinh phổ thông	CT203.1	02	15		30		45
19	Giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông	CT204	03	30		30		75
20	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông	CT205	03	35		30		75
21	Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông	CT206	03	30		30		75
22	Giá trị sống và giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông qua môn Giáo dục công dân	CT207.1	02	15		30		45
23	Dân số và phát triển	CT208	02	15		30		45
24	Xã hội học	CT306	02	15		30		45
25	Những vấn đề thời đại ngày nay	CT333	03	30		30		75
26	Tôn giáo học	CT305	02	15		30		45
27	Giáo dục gia đình	CT323	02	15		30		45
28	Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam	QA910.CT	02	15		30		45
29	Kinh tế học đại cương	CT225	02	30		30		75
30	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	CT227	02	15		30		45
31	Đạo đức nghề nghiệp	CT210	02	15		30		45
32	Thực tế chính trị - xã hội	CT211	01				15	30
<b>II.2</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>		<b>25</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>19</b>					
33	Tiếng Anh chuyên ngành	CT212	03	30		30		75
34	Lịch sử triết học	CT213.1	04	30		60		90
35	Hiến pháp và các định chế chính trị	CT221	02	15		30		45
36	Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh	CT219	02	15		30		45
37	Pháp luật quốc tế	CT222	02	15		30		45
38	Pháp luật về quyền con người	CT224	02	15		30		45
39	Pháp luật kinh tế	CT226	02	15		30		45
40	Kinh tế phát triển	CT228	02	15		30		45
<b>Tự chọn</b>			<b>06</b>					
	<b>Tự chọn 1</b> (chọn 1 trong 2 học phần sau)							
41	Một số chuyên đề triết học	CT216	02	15		30		45

**Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
42	Một số chuyên đề kinh tế chính trị	CT217	02	15		30		45
	<b>Tự chọn 2</b> (chọn 1 trong 2 học phần sau)							
43	Một số chuyên đề CNXHKKH	CT218	02	15		30		45
44	Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT317	02	15		30		45
	<b>Tự chọn 3</b> (chọn 1 trong 2 học phần sau)							
45	Lôgic biện chứng	CT325	02	15		30		45
46	Lịch sử các học thuyết kinh tế	CT309	02	15		30		45
<b>III</b>	<b>Kiến thức nghiệp vụ sư phạm</b>		<b>37</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>33</b>					
47	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	TL501	02	15		30		45
48	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm (Tâm lý học 2)	TL502	02	15		30		45
49	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	GD501	02	15		30		45
50	LLDH và LLGD ở trường THPT (Giáo dục học 2)	GD502	02	15		30		45
51	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	CT407	02	15		30		45
52	Rèn luyện NVSP thường xuyên	SP101	02	15			30	45
53	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD theo chuẩn năng lực ở trường THPT	CT335	02	15		30		45
54	Lý luận chung về dạy học môn GDCD ở trường THPT	CT336	03	30		30		90
55	Thực hành phương pháp dạy học môn GDCD ở trường PT(phần 1)	CT337	03				90	45
56	Thực hành phương pháp dạy học môn GDCD ở trường PT (phần 2)	CT338	02				60	30
57	Thực hành sư phạm 1	CT408	02				60	30
58	Thực hành sư phạm 2	CT409	02				60	30
59	Thực tập sư phạm 1	CT603	03				135	
60	Thực tập sư phạm 2	CT604	04				180	
<b>Tự chọn: chọn 2 trong các học phần sau</b>			<b>04</b>					

**Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
61	Giao tiếp sư phạm	TL305	02	15		30		45
62	Tâm lý học giới tính	TL306	02	15		30		45
63	Những vấn đề giáo dục cần cập nhật	GD303	02	15		15	15	45
64	Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh THPT	TL303	02	15		30		45
65	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn GDCD ở trường THPT	CT339	02	15			30	45
66	Kỹ năng phát triển chương trình môn GDCD ở trường THPT	CT340	02	15			30	45
67	Một số phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Giáo dục công dân	CT341	02	15			30	45
68	Kỹ thuật sử dụng phương tiện dạy học trong dạy học môn GDCD	CT342	02	15			30	45
69	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông qua dạy học môn GDCD	CT334	02	15			30	45
<b>IV</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế</b>		<b>07</b>					
	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	CT703	<b>07</b>					315
	<b>Các học phần thay thế KLTN</b>		<b>07</b>					
	<b>Bắt buộc</b>		<b>03</b>					
70	Lý luận và thực hành dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông	CT410	03	30		30		75
	<b>Tự chọn: chọn 1 trong 2 học phần</b>		<b>04</b>					
71	Sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	CT411	04	30		60		90
72	Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay	CT412	04	30		30		90
	<b>Tổng cộng</b>		<b>135</b>					